

QUYẾT ĐỊNH
Về việc công bố Kịch bản nguồn nước (lần đầu)
trên lưu vực sông Mã

BỘ TRƯỞNG BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

Căn cứ Luật Tài nguyên nước ngày 27 tháng 11 năm 2023;

Căn cứ Nghị quyết số 141/2024/QH15 ngày 29 tháng 6 năm 2024 của Quốc hội về hoạt động chất vấn tại Kỳ họp thứ 7, Quốc hội khóa XV;

Căn cứ Nghị định số 68/2022/NĐ-CP ngày 22 tháng 9 năm 2022 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài nguyên và Môi trường;

Căn cứ Nghị định số 53/2024/NĐ-CP ngày 16 tháng 5 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tài nguyên nước;

Căn cứ Quyết định số 1622/QĐ-TTg ngày 27 tháng 12 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch tài nguyên nước thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Căn cứ Quyết định số 20/QĐ-TTg ngày 08 tháng 01 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch tổng hợp lưu vực sông Mã thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Trên cơ sở các thông tin, số liệu của các Bộ, ngành, địa phương và các tổ chức, cá nhân khai thác, sử dụng tài nguyên nước lớn, quan trọng trên lưu vực sông Mã và Bản tin dự báo, cảnh báo khí tượng thủy văn thời hạn mùa trên phạm vi toàn quốc của Trung tâm Dự báo Khí tượng Thủy văn quốc gia;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Quản lý tài nguyên nước.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố Kịch bản nguồn nước (lần đầu) trên lưu vực sông Mã, cụ thể như sau:

1. Mục tiêu công bố: phục vụ công tác điều hòa, phân phối tài nguyên nước trên lưu vực sông, góp phần bảo đảm an ninh nguồn nước, an ninh lương thực, an ninh năng lượng và các nhu cầu thiết yếu khác của người dân.

Làm căn cứ để các Bộ, ngành và Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trên lưu vực sông, trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình, chỉ đạo việc lập kế hoạch

khai thác, sử dụng tài nguyên nước phù hợp với Kịch bản nguồn nước theo quy định tại khoản 1, khoản 5 và khoản 6 Điều 35 của Luật Tài nguyên nước và khoản 2 Điều 43 của Nghị định số 53/2024/NĐ-CP ngày 16 tháng 5 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật Tài nguyên nước.

2. Nội dung công bố của Kịch bản nguồn nước theo quy định tại khoản 4 Điều 41 của Nghị định số 53/2024/NĐ-CP.

3. Kỳ công bố Kịch bản nguồn nước: trong mùa cạn năm 2025 (từ tháng 01/2025 đến tháng 6/2025).

(Chi tiết Kịch bản nguồn nước kèm theo Quyết định này)

Điều 2. Trách nhiệm tổ chức, thực hiện

1. Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Bộ Xây dựng, Bộ Công Thương và Ủy ban nhân dân các tỉnh Điện Biên, Sơn La, Hòa Bình, Nghệ An và Thanh Hóa, trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình, chỉ đạo việc lập kế hoạch khai thác, sử dụng tài nguyên nước phù hợp với Kịch bản nguồn nước ban hành kèm theo Quyết định này theo quy định tại khoản 1, khoản 6 Điều 35 của Luật Tài nguyên nước và khoản 2 Điều 43 của Nghị định số 53/2024/NĐ-CP.

2. Căn cứ Kịch bản nguồn nước được công bố, hiện trạng nguồn nước, nhu cầu sử dụng nước, nhận định xu thế khí tượng thủy văn, Cục Quản lý tài nguyên nước chủ trì, phối hợp với Tổng cục Khí tượng Thủy văn, Trung tâm Quy hoạch và Điều tra tài nguyên nước quốc gia, Viện Khoa học tài nguyên nước, Viện Khoa học Khí tượng Thủy văn và Biến đổi khí hậu tính toán, cập nhật và trình Bộ Tài nguyên và Môi trường xem xét, quyết định việc cập nhật Kịch bản nguồn nước trong trường hợp xảy ra những diễn biến bất thường về khí tượng, thủy văn hoặc phát sinh các yêu cầu đối với nguồn nước nhằm bảo đảm an ninh nguồn nước cấp cho sinh hoạt, an ninh lương thực, an ninh năng lượng.

3. Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Bộ Xây dựng, Bộ Công Thương và Ủy ban nhân dân các tỉnh Điện Biên, Sơn La, Hòa Bình, Nghệ An, Thanh Hóa và các tổ chức, cá nhân có liên quan có trách nhiệm cung cấp thông tin, số liệu và phối hợp với Bộ Tài nguyên và Môi trường để xây dựng, cập nhật Kịch bản nguồn nước trên lưu vực sông Mã.

4. Văn phòng Bộ, Báo Tài nguyên và Môi trường, Trung tâm Truyền thông tài nguyên và môi trường phối hợp với Cục Quản lý tài nguyên nước để đăng tải Kịch bản nguồn nước trên lưu vực sông Mã trên Cổng thông tin điện tử của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

5. Ủy ban nhân dân các tỉnh Điện Biên, Sơn La, Hòa Bình, Nghệ An và Thanh Hóa chỉ đạo việc đăng tải Kịch bản nguồn nước trên cổng thông tin điện tử của địa phương theo quy định tại khoản 6 Điều 41 Nghị định số 53/2024/NĐ-CP.

Điều 3. Hiệu lực thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

2. Chánh Văn phòng Bộ, Cục trưởng Cục Quản lý tài nguyên nước, Tổng cục trưởng Tổng cục Khí tượng Thủy văn, Tổng giám đốc Trung tâm Quy hoạch và Điều tra tài nguyên nước quốc gia, Viện trưởng Viện Khoa học tài nguyên nước, Viện trưởng Viện Khoa học Khí tượng Thủy văn và Biến đổi khí hậu, Thủ trưởng các đơn vị quản lý nhà nước trực thuộc Bộ Tài nguyên và Môi trường và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Thủ tướng Chính phủ (để báo cáo);
- PTTg CP. Trần Hồng Hà (để báo cáo);
- Bộ trưởng Đỗ Đức Duy (để báo cáo);
- Các Thứ trưởng;
- Các Bộ: NN&PTNT, Công Thương, Xây dựng;
- UBND các tỉnh: Điện Biên, Sơn La, Hòa Bình, Nghệ An, Thanh Hóa;
- Các Sở TNMT, NN&PTNT, XD, CT các tỉnh: Điện Biên, Sơn La, Hòa Bình, Nghệ An, Thanh Hóa;
- Đài Truyền hình Việt Nam, Đài Tiếng nói Việt Nam;
- Tập đoàn Điện lực Việt Nam, NSMO;
- Báo TN&MT, TT Truyền thông TN&MT;
- Lưu: VT, VP, PC, TNN (10).

(Handwritten initials)

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**



Lê Minh Ngân

**KỊCH BẢN NGUỒN NƯỚC (LẦN ĐẦU)
TRÊN LƯU VỰC SÔNG MÃ**

(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-BTNMT ngày tháng năm 2025
của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường)

Kịch bản nguồn nước (lần đầu) trên lưu vực sông Mã được xây dựng trên cơ sở quy định tại Điều 35 của Luật Tài nguyên nước năm 2023; Nghị quyết số 141/2024/QH15 ngày 29 tháng 6 năm 2024 của Quốc hội về hoạt động chất vấn tại Kỳ họp thứ 7, Quốc hội khóa XV; Nghị định số 53/2024/NĐ-CP ngày 16 tháng 5 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tài nguyên nước; Quy hoạch tài nguyên nước thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050¹ và Quy hoạch tổng hợp lưu vực sông Mã thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050²; hiện trạng nguồn nước mặt, nước dưới đất, hiện trạng tích trữ nước trong các hồ chứa trên lưu vực, nhu cầu khai thác, sử dụng tài nguyên nước; nhận định xu thế diễn biến lượng mưa, lượng dòng chảy, mực nước trong các tầng chứa nước và thông tin, số liệu do Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Bộ Công Thương, Bộ Xây dựng, Ủy ban nhân dân các tỉnh Thanh Hóa, Nghệ An, Sơn La, Điện Biên và Hòa Bình và các tổ chức, cá nhân khai thác, sử dụng nước lớn, quan trọng trên lưu vực sông Mã cung cấp.

Phạm vi xây dựng Kịch bản trên toàn bộ lưu vực sông Mã được phân chia thành 08 (tám) tiểu vùng theo Quy hoạch tổng hợp lưu vực sông Mã thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 (Chi tiết tại Phụ lục kèm theo Kịch bản nguồn nước). Kỳ công bố Kịch bản được tính toán, đánh giá trong mùa cạn năm 2025 (từ tháng 01 đến tháng 6/2025).

Nội dung Kịch bản nguồn nước (lần đầu) thực hiện theo quy định tại khoản 4 Điều 41 của Nghị định số 53/2024/NĐ-CP, gồm những nội dung chính sau:

I. HIỆN TRẠNG NGUỒN NƯỚC TRÊN LƯU VỰC SÔNG MÃ

1. Hiện trạng nguồn nước mưa, nước mặt

Tổng lượng mưa (TLM) từ tháng 7 đến tháng 12/2024 trên lưu vực phổ biến từ 80mm đến 250mm, có nơi trên 400mm. Tháng 6 và tháng 9/2024 tăng so với trung bình nhiều năm (TBNN)³, đặc biệt là trong tháng 9/2024 xuất hiện nhiều đợt mưa trên một số tiểu vùng với TLM từ 600mm đến 800mm, cao hơn TBNN từ 1,5 đến 2 lần.

Dòng chảy trung bình các tháng mùa lũ năm 2024: trên sông Mã cao hơn trung bình thời kỳ (TBTK)⁴ từ 6% đến 70% tùy từng tháng, riêng tháng 9 cao hơn

¹ Quyết định số 1622/QĐ-TTg ngày 27/12/2022 của Thủ tướng Chính phủ;

² Quyết định số 20/QĐ-TTg ngày 08/01/2024 của Thủ tướng Chính phủ;

³ TBNN tính từ năm 1991 đến nay;

⁴ Thời kỳ 2018-2024, hầu hết các công trình hồ chứa trên lưu vực sông đã đi vào vận hành, chế độ dòng chảy trên lưu vực cơ bản đã thay đổi theo chế độ vận hành điều tiết nước của các công trình hồ chứa.

TBTK khoảng 1,2 lần; trên sông Chu dòng chảy các tháng mùa lũ cao hơn TBTK từ 6% đến 38%, riêng tháng 8 thấp hơn khoảng 38%.

2. Hiện trạng nguồn nước dưới đất

Nước dưới đất trên lưu vực sông Mã bao gồm: các tầng chứa nước (TCN) lỗ hổng trong trầm tích Đệ tứ phân bố chủ yếu tại vùng đồng bằng trên phạm vi tỉnh Thanh Hóa và rải rác dọc theo các sông, suối và thung lũng nhỏ tại khu vực miền núi (diện tích phân bố khoảng 4.645 km²); các TCN khe nứt trong đá trầm tích lục nguyên và biến chất phân bố rộng khắp các tiểu vùng trên toàn lưu vực sông Mã (diện tích phân bố khoảng 13.600 km²); các TCN karst trong trầm tích carbonat phân bố chủ yếu ở tiểu vùng thượng sông Mã (diện tích phân bố khoảng 1.900 km²).

Trữ lượng nước dưới đất có thể khai thác trên toàn lưu vực sông Mã khoảng 811 triệu m³/năm, trong đó hiện đang khai thác khoảng gần 30 triệu m³/năm (khoảng 3,7%) chủ yếu trong các TCN lỗ hổng (qh, qp) và các TCN khe nứt trong trầm tích lục nguyên và biến chất, cụ thể:

- Đối với các tầng chứa nước lỗ hổng: các công trình khai thác nước dưới đất tập trung chủ yếu trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa (tiểu vùng Nam sông Mã - Bắc sông Chu và Bắc sông Mã) với tổng lượng nước khai thác khoảng 11.700 m³/ngày đêm (khoảng 4,27 triệu m³/năm) phục vụ chủ yếu cho mục đích cấp nước sinh hoạt và công nghiệp. Theo số liệu quan trắc mực nước từ năm 2020 đến nay, mực nước trong các TCN lỗ hổng dao động trong khoảng từ 0,34m đến 9,84m (TCN qh) và từ 0,78m đến 9,87m (TCN qp) (*nhỏ hơn giới hạn mực nước theo quy định là 30m*) và có xu hướng dâng nhẹ khoảng từ 0,03 m/năm.

- Đối với các tầng chứa nước khe nứt trong trầm tích lục nguyên và biến chất: các công trình khai thác nước dưới đất tập trung chủ yếu tại tiểu vùng Thượng sông Mã với lưu lượng khai thác khoảng 39.600 m³/ngày đêm (khoảng 14,5 triệu m³/năm), hầu hết đều khai thác nước dưới đất dưới dạng xuất lộ trên bề mặt phục vụ cấp nước cho sinh hoạt. Kết quả quan trắc mực nước tại một số công trình khai thác nước dưới đất từ các mạch lộ khu vực thượng lưu sông Mã cho thấy mực nước biến động không đáng kể trong giai đoạn 2020-2024, khoảng từ 0,1m đến 0,6m.

3. Hiện trạng tích nước của các hồ chứa

a) Trên lưu vực sông Mã hiện có khoảng 24 hồ chứa thủy điện, trong đó có 02 hồ chứa thủy điện lớn có khả năng điều tiết dòng chảy là Hòa Na và Trung Sơn; khoảng 623 hồ chứa thủy lợi, trong đó có 09 hồ thủy lợi có dung tích từ 03 triệu m³ trở lên, hồ Cửa Đạt là hồ chứa lớn nhất có khả năng điều tiết nhiều năm.

b) Hiện trạng tích trữ của các hồ chứa trên lưu vực

Tổng lượng nước tích trữ trong 03 hồ Cửa Đạt, Hòa Na và Trung Sơn tại thời điểm đầu mùa cạn năm 2025 (ngày 01/01/2025) **khoảng 1,85 tỷ m³** đạt khoảng 90,2% dung tích toàn bộ (khoảng 2,05 tỷ m³), cao hơn TBTK khoảng 12%, tương đương năm 2024 (1,84 tỷ m³).

Bảng 1. Lượng nước trữ tại các hồ chứa lớn, quan trọng trên lưu vực sông tại thời điểm 01/01/2025

STT	Tên hồ chứa	MNDBT (m)	Mức nước hồ ngày 01/01/2025 (m)	Dung tích hồ (triệu m ³)		
				Dung tích toàn bộ	Dung tích ngày 01/01/2025	TBTK (2018-2024)
1	Cửa Đạt	110	106,0	1.129,2	946,4	825,6
2	Hòa Na	240	239,6	569,4	560,7	518,1
3	Trung Sơn	160	159,9	348,5	347,8	318,0
	Tổng			2.047,1	1854,9	1.661,6

Tính đến đầu tháng 01/2025, dung tích trữ của 08 hồ chứa thủy lợi nêu trên cơ bản đạt trên 70% so với dung tích thiết kế, trong đó: hồ Đồng Ngu đạt 85%, hồ Tây Trác đạt 74%, hồ Bình Công đạt 70%, hồ Xuân Lũng đạt 90%, hồ Trọng đạt 90% (tiểu vùng lưu vực sông Bưởi); hồ Duồng Cốc đạt 80%, hồ Thung Bằng đạt 95% (tiểu vùng Trung sông Mã); hồ Công Khê đạt 95% (tiểu vùng Nam sông Mã - Bắc sông Chu).

II. DỰ BÁO XU THẾ DIỄN BIẾN MƯA, DÒNG CHẢY, LƯỢNG NƯỚC TÍCH TRỮ TRONG CÁC HỒ CHỨA NƯỚC LỚN, QUAN TRỌNG; MỨC NƯỚC TRONG CÁC TẦNG CHỨA NƯỚC TRONG KỲ CÔNG BỐ KỊCH BẢN NGUỒN NƯỚC

1. Hiện tượng ENSO đang trong trạng thái trung tính, với chuẩn sai nhiệt độ mặt nước biển khu vực xích đạo trung tâm Thái Bình Dương. Dự báo trong 06 tháng đầu năm 2025, ENSO tiếp tục có khả năng ở trạng thái trung tính. Nhiệt độ tháng 01/2025 ở mức xấp xỉ trên so với TBNN, từ tháng 02 đến tháng 6/2025 phổ biến xấp xỉ so với TBNN.

2. Tổng lượng mưa trên lưu vực sông Mã từ tháng 01 đến tháng 6/2025 phổ biến ở mức xấp xỉ TBNN, cụ thể: tháng 01 và 02/2025 phổ biến từ 15mm đến 40mm; tháng 3/2025 phổ biến từ 40mm đến 70mm, tháng 4/2025 phổ biến từ 70mm đến 120mm; tháng 5 và 6/2025 phổ biến từ 180mm đến 270mm, có khả năng thấp hơn TBNN.

3. Nhận định dòng chảy các tháng mùa cạn

Từ tháng 01 đến tháng 6/2025, tổng lượng dòng chảy trên lưu vực sông Mã có khả năng thấp hơn TBTK, cụ thể đối với các sông như sau:

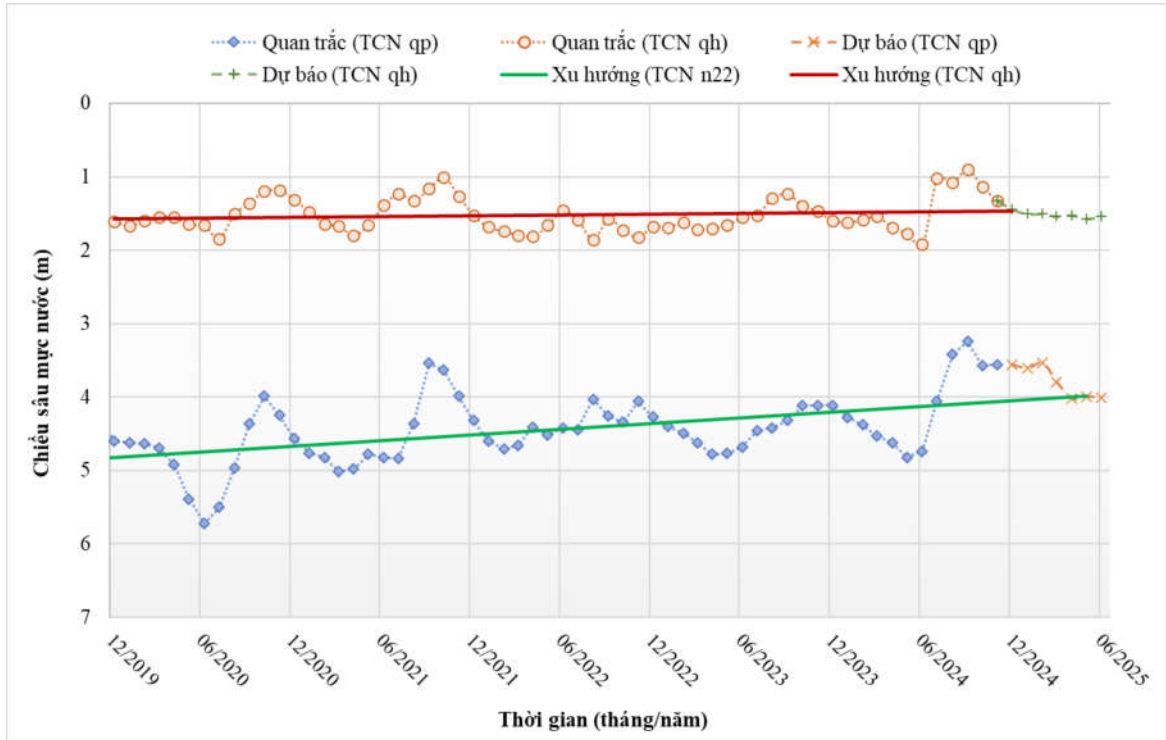
- Sông Mã: về tổng thể dòng chảy các tháng mùa cạn trên sông Mã có xu hướng thấp hơn so với TBTK khoảng từ 5% đến 22%, trong đó vùng thượng lưu thấp hơn TBTK khoảng 8%, riêng tháng 5 và 6 có khả năng thấp hơn từ 15% đến 18%; vùng trung lưu ở mức thấp hơn TBTK khoảng 5%, riêng tháng 5 và 6, có khả năng thấp hơn từ 8% đến 13%;

- Sông Chu: dòng chảy trên sông Chu có xu hướng thấp hơn so với TBTK khoảng từ 20% đến 25%, riêng tháng 5 và 6 có khả năng thấp hơn TBTK khoảng từ 15% đến 30%.

4. Mức nước trong các tầng chứa nước dưới đất

Trên cơ sở số liệu quan trắc mực nước tại 24 công trình quan trắc thuộc mạng quan trắc quốc gia, xu thế mực nước dưới đất trong các tháng mùa cạn (từ tháng 01/2025 đến tháng 6/2025) của các tầng chứa nước được khai thác chủ yếu trên lưu vực sông Mã có thể nhận định như sau:

- Các tầng chứa nước lỗ hổng thuộc tiểu vùng Nam sông Mã - Bắc sông Chu và tiểu vùng Bắc sông Mã: mực nước dưới đất trung bình của các TCN dao động trong khoảng từ 1,33m đến 1,54m (TCN qh), từ 3,56m đến 4,02m (TCN qp) và có xu hướng dâng nhẹ so với TBNN (Hình 1).



Hình 1. Xu thế diễn biến mực nước trung bình TCN qh và qp tại tiểu vùng Bắc sông Mã

- Các tầng chứa nước khe nứt trong các trầm tích lục nguyên và biến chất: mực nước tại các công trình khai thác có xu hướng ổn định, dâng hạ không đáng kể tùy vị trí khai thác.

III. NHU CẦU KHAI THÁC, SỬ DỤNG NƯỚC CỦA CÁC NGÀNH TRONG KỲ CÔNG BỐ KỊCH BẢN

Nhu cầu khai thác, sử dụng nước cho các ngành trên lưu vực sông Mã chủ yếu tập trung cho ngành nông nghiệp, sinh hoạt, công nghiệp và thủy điện, trong đó nhu cầu nước lớn tập trung chủ yếu tại các tiểu vùng Bắc sông Mã (khoảng 25%), Nam sông Mã - Bắc sông Chu (khoảng 17%), tiểu vùng lưu vực sông Bưởi (khoảng 15%), cụ thể nhu cầu nước của một số ngành chính như sau:

1. Nhu cầu cấp nước cho sinh hoạt, công nghiệp

Tổng lượng khai thác cấp cho sinh hoạt, công nghiệp trên lưu vực khoảng 0,12 tỷ m³. Tổng số công trình cấp nước sinh hoạt, công nghiệp tập trung (với lưu lượng khai thác từ 5.000 m³/ngày đêm đối với khai thác nước mặt và từ 1.000

m³/ngày đêm đối với khai thác nước dưới đất) khoảng 190 công trình với tổng lượng nước khai thác khoảng 0,068 tỷ m³ (tương đương 375.000 m³/ngày đêm), trong đó:

- 28 công trình khai thác nước mặt (chủ yếu khai thác trên các sông Mã, sông Bưởi, kênh thủy lợi..., trong đó: Điện Biên có 01 công trình, Thanh Hóa có 19 công trình, Hòa Bình có 03 công trình, tỉnh Sơn La có 02 công trình, Nghệ An có 03 công trình) với tổng lượng khai thác khoảng 0,05 tỷ m³ (tương đương 276.000 m³/ngày đêm), chiếm khoảng 71,4% tổng lượng nước khai thác.

- 162 công trình khai thác nước dưới đất (hầu hết khai thác trong các tầng chứa nước lỗ hổng và các tầng chứa nước karst trong các đá trầm tích Cacbonat; trong đó: Thanh Hóa có 09 công trình, Điện Biên có 153 công trình) với tổng lượng khai thác khoảng 0,018 tỷ m³ (tương đương 99.000 m³/ngày đêm) chiếm 28,6% tổng lượng nước khai thác.

2. Nhu cầu nước cho nông nghiệp

Nhu cầu nước cho nông nghiệp chiếm khoảng 80% tổng nhu cầu nước toàn vùng, trong đó nhu cầu nước cho nông nghiệp trong thời gian mùa cạn năm 2025 thấp hơn khoảng 2% so với TBTk và cùng kỳ của năm 2024, tập trung chủ yếu trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa (chiếm 60% của toàn lưu vực), cụ thể một số tiểu vùng Bắc sông Mã (chiếm 24%), Nam sông Mã - Bắc sông Chu (chiếm 17%), Nam sông Chu (chiếm 10%), lưu vực sông Bưởi (chiếm 15%) và được đáp ứng qua hồ chứa nước Cửa Đạt, hệ thống thủy lợi Bái Thượng và các hồ chứa thủy lợi vừa và nhỏ khác, trong đó lượng nước của hồ chứa Cửa Đạt cấp cho tiểu vùng Nam sông Mã - Bắc sông Chu qua tuyến Dốc Cáy và xả xuống hạ du qua thủy điện Cửa Đạt về đập Bái Thượng cấp nước cho tiểu vùng Nam sông Chu, lượng nước cấp lớn nhất vào các tháng 2, 3 (vụ Đông Xuân) và tháng 6 (vụ Hè Thu).

3. Nhu cầu nước cho sản xuất thủy điện

Nhu cầu nước cho sản xuất thủy điện trong thời gian mùa cạn năm 2025 của 03 hồ chứa lớn (Hủa Na, Cửa Đạt, Trung Sơn) khoảng **3,9 tỷ m³** tương đương sản lượng điện 640 triệu kWh cao hơn khoảng 7% so với TBTk (khoảng 599 triệu kWh), cao hơn khoảng 10% so với cùng thời kỳ của năm 2024 (580 triệu kWh). Trong đó hồ Trung Sơn chiếm 38% và hồ Hủa Na, Cửa Đạt chiếm 62% tổng sản lượng điện của 03 hồ chứa lớn.

IV. TRẠNG THÁI CỦA NGUỒN NƯỚC TRÊN LƯU VỰC SÔNG MÃ

Trên cơ sở thông tin, số liệu về hiện trạng, dự báo xu thế diễn biến nguồn nước của 03 hồ chứa lớn, quan trọng; 08 hồ chứa thủy lợi có dung tích từ 03 triệu m³ trở lên; nguồn nước trên các tiểu lưu vực sông, trong các TCN dưới đất; dự báo khí tượng, thủy văn trên các lưu vực sông⁵ thì nhận định khả năng nguồn nước trên lưu vực sông Mã trong mùa cạn năm 2025 ở **“Trạng thái bình thường”**. Để đánh giá mức độ đáp ứng của nguồn nước cấp cho sinh hoạt, nông nghiệp, thủy điện, công nghiệp, các nhu cầu sử dụng nước khác và các yêu cầu về bảo đảm an

⁵ Số liệu các Bộ, ngành, địa phương, cung cấp

ninh nguồn nước, an ninh lương thực, an ninh năng lượng nhằm giảm thiểu rủi ro khả năng thiếu nước do việc khai thác, sử dụng nước không hiệu quả, lãng phí, được tính toán, đánh giá theo các tiêu vùng, các nguồn nước, cụ thể như sau:

- Mức độ đáp ứng của 03 hồ chứa lớn trên lưu vực (Hỏa Na, Cửa Đạt và Trung Sơn) cho các nhu cầu sử dụng nước hạ du, trong đó: hồ Hỏa Na, Cửa Đạt đáp ứng cho nhu cầu sử dụng nước các mục đích sinh hoạt, công nghiệp, nông nghiệp, thủy lợi và phát điện; hồ Trung Sơn đáp ứng cho mục đích phát điện và các nhu cầu nước hạ du.

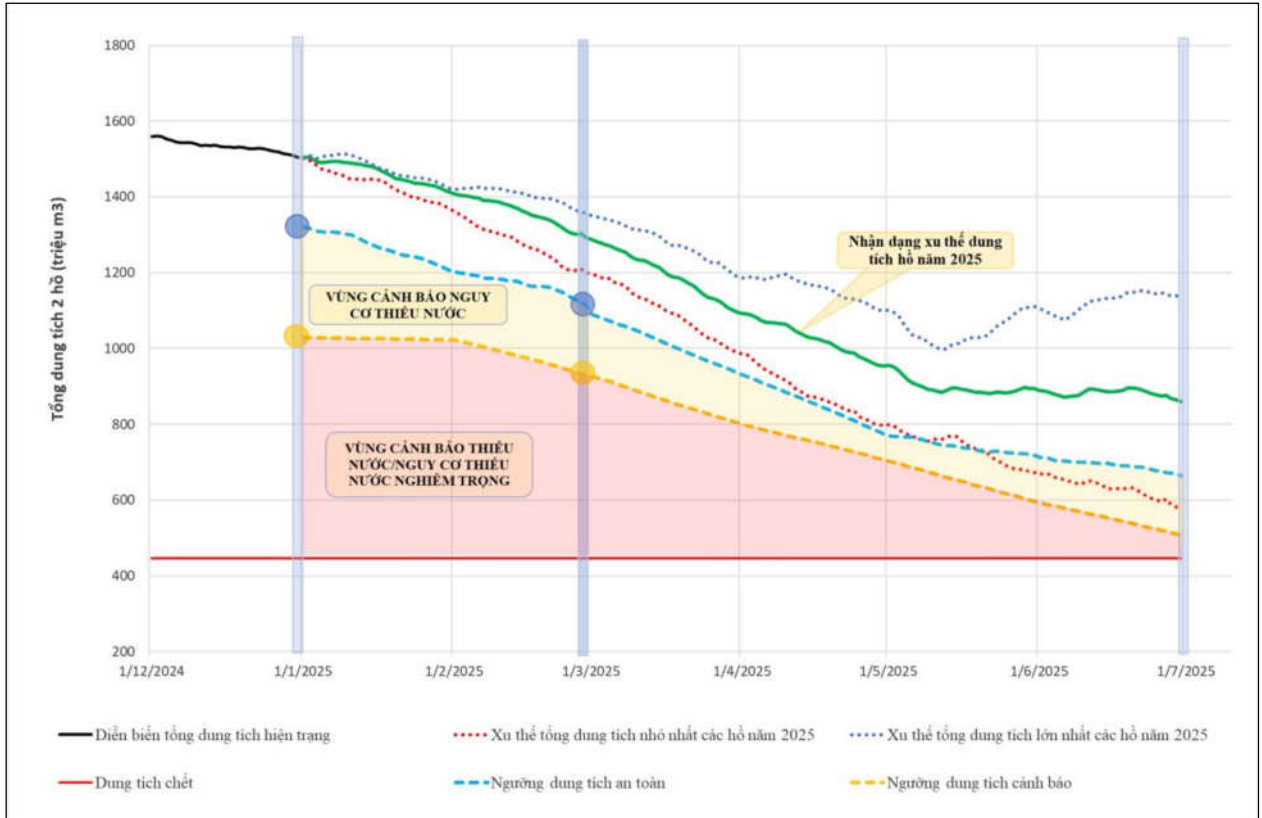
- Mức độ đáp ứng của các hồ chứa thủy lợi lớn và mức độ đáp ứng của nguồn nước các tiêu vùng nằm ngoài phạm vi điều tiết của 03 hồ chứa lớn (Hỏa Na, Cửa Đạt và Trung Sơn) trên các tiêu vùng Thượng sông Mã, Trung sông Mã, lưu vực sông Âm, lưu vực sông Bưởi, Bắc sông Mã, Thượng sông Chu, Nam sông Mã - Bắc sông Chu, Nam sông Chu cho các nhu cầu sử dụng nước.

1. Đối với 03 hồ chứa lớn trên lưu vực

1.1. Các hồ chứa Hỏa Na và Cửa Đạt

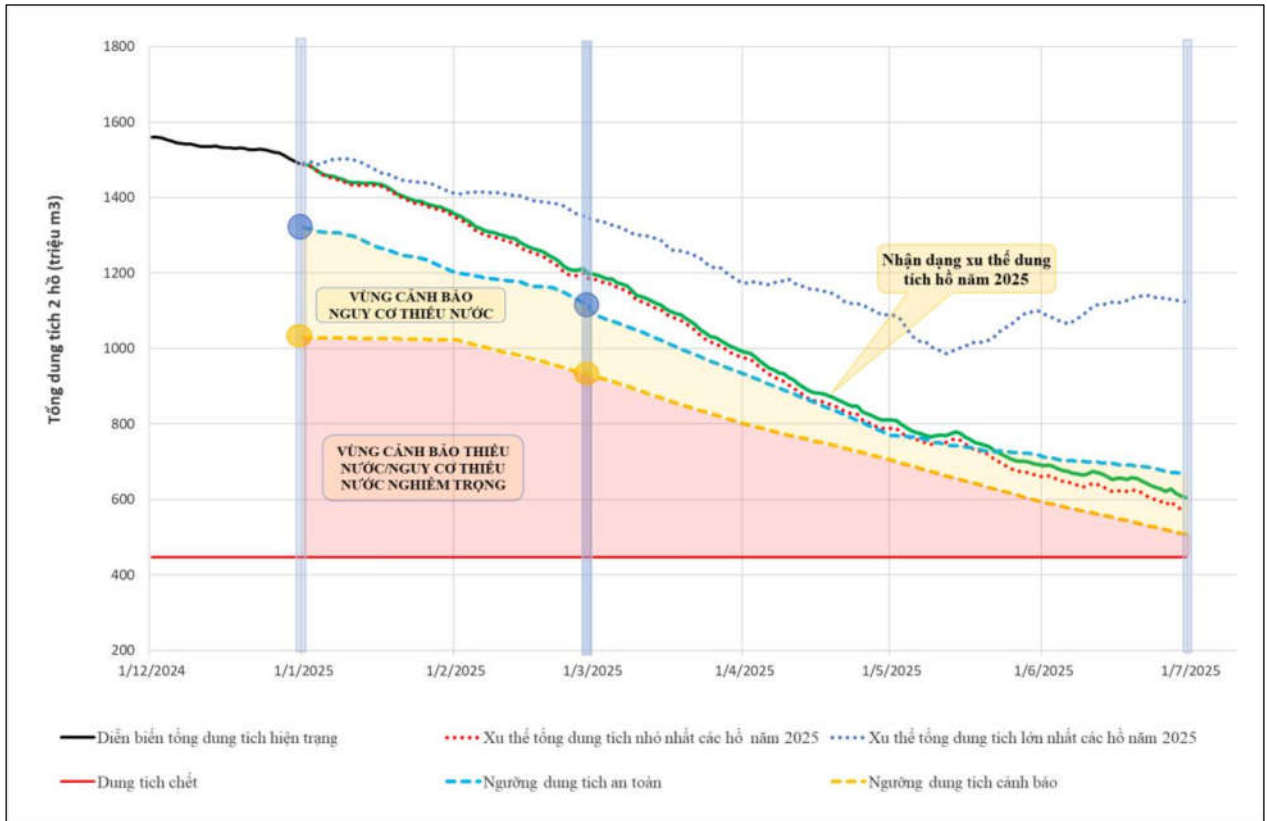
Mức độ đáp ứng của 02 hồ chứa theo các trường hợp khai thác, sử dụng nước như sau:

- Trường hợp 1: tổng lượng nước cấp từ hồ Cửa Đạt về hạ du cho các mục đích trong các tháng mùa cạn từ 01/01/2025 đến 30/6/2025 dự kiến khoảng 1,39 tỷ m³ tương đương TBTK.



Hình 2. Nhận định xu thế tổng dung tích hồ Hỏa Na, Cửa Đạt (Trường hợp 1)

- Trường hợp 2: tổng lượng nước cấp từ hồ Cửa Đạt về hạ du (cho sinh hoạt, nông nghiệp, công nghiệp, phát điện, đầy mặn) dự kiến cao hơn TBTK khoảng 30%⁶.



Hình 3. Nhận định xu thế tổng dung tích hồ Hòa Na, Cửa Đạt (Trường hợp 2)

Như vậy, về tổng thể thì nguồn nước 02 hồ Hòa Na và Cửa Đạt trong kỳ kịch bản cho thấy cơ bản đáp ứng được nhu cầu khai thác sử dụng nước trong thời gian từ tháng 01 đến tháng 6/2025.

Tuy nhiên, nếu nhu cầu sử dụng nước tăng cao hơn khoảng 30% so với TBTK, nguồn nước của 02 hồ chứa Hòa Na, Cửa Đạt có nguy cơ không đáp ứng đủ lượng nước cho các nhu cầu sử dụng nước ở hạ du, mực nước các hồ chứa có khả năng không đảm bảo mực nước tối thiểu quy định của Quy trình vận hành liên hồ chứa vào các tháng cuối mùa cạn (tháng 5, 6/2025). Trong đó, đối với hồ chứa Cửa Đạt, nếu không kiểm soát chặt chẽ việc vận hành cấp nước và phát điện của các nhà máy thủy điện Cửa Đạt và thủy điện Dốc Cáy ngay từ các tháng đầu mùa cạn năm 2025 thì sẽ có nguy cơ không đáp ứng đủ nguồn nước cân đối cấp cho các nhu cầu đến cuối mùa cạn.

1.2. Hồ Trung Sơn

Trên cơ sở hiện trạng nguồn nước, xu thế diễn biến nguồn nước và việc bảo đảm cấp nước cho phát điện, các nhu cầu khai thác, sử dụng nước ở hạ du trong các tháng mùa cạn từ tháng 01 đến tháng 6/2025 (khoảng 1,68 tỷ m³, thấp hơn so với TBTK khoảng 7%)⁷ của hồ Trung Sơn, thấy rằng về tổng thể thì nguồn nước

⁶ Lượng nước sử dụng tương đương năm 2018 (năm có nhu cầu nước lớn nhất TBTK 2018-2024);

⁷ Theo Văn bản số 1320/BC-TĐTS ngày 06/12/2024 của Công ty TNHH MTV thủy điện Trung Sơn.

hồ Trung Sơn trong kỳ kịch bản cho thấy cơ bản đáp ứng được các nhu cầu sử dụng nước trong thời gian từ tháng 01 đến tháng đến 6/2025.

Tuy nhiên, nếu nhu cầu sử dụng nước tăng cao hơn khoảng từ 10% đến 20% so với TBTK, nguồn nước hồ Trung Sơn có nguy cơ không đáp ứng đủ lượng nước cho các nhu cầu sử dụng nước ở hạ du trong thời gian tháng 4, 5/2025, mực nước hồ chứa có khả năng không bảo đảm mực nước tối thiểu theo quy định của Quy trình vận hành liên hồ chứa, đặc biệt là trong tháng 5/2025 mực nước hồ có thể hạ thấp hơn mực nước chết. Ngoài ra, nếu các công trình thủy điện Thành Sơn, Bá Thước 1, Bá Thước 2, Cẩm Thủy 1 vận hành với chế độ và lưu lượng xả về hạ du không phù hợp với quy định của Quy trình vận hành liên hồ chứa trên lưu vực sông Mã thì các trạm bơm khai thác nước trên dòng chính sông Mã khu vực hạ lưu (sau thủy điện Cẩm Thủy 1 về hạ du) có khả năng không bảo đảm cấp nước cho sản xuất nông nghiệp và sinh hoạt.

2. Đối với các tiểu lưu vực sông, tiểu vùng

Trên cơ sở tính toán, dự báo mưa, dòng chảy, nhu cầu sử dụng nước và hiện trạng, quy hoạch các công trình khai thác, sử dụng nước trên các vùng, tiểu lưu vực thuộc 08 tiểu vùng, nguồn nước ***cơ bản ở Trạng thái bình thường***, khả năng không xảy ra tình trạng hạn hán, thiếu nước diện rộng trên các tiểu vùng.

Tuy nhiên, một số vùng, tiểu lưu vực vẫn còn có nguy cơ xuất hiện tình trạng thiếu nước cục bộ, bên cạnh nguyên nhân thiếu hụt lượng mưa (tổng thể trên toàn lưu vực lượng mưa xấp xỉ TBNN, riêng tháng 5, 6/2025 lượng mưa có xu thế giảm), lượng dòng chảy thì nguyên nhân chính dẫn đến nguy cơ có khả năng thiếu nước ở các tiểu vùng là năng lực lấy nước và số lượng của các công trình khai thác, công trình, hệ thống công trình thủy lợi còn thiếu, chưa đồng bộ. Việc thiếu nước các khu vực này sẽ ảnh hưởng chủ yếu đến sản xuất nông nghiệp và đời sống sinh hoạt của người dân.

2.1. Tiểu vùng Thượng sông Mã

Các địa phương ở thượng nguồn lưu vực sông Mã hiện nay có rất ít công trình hồ chứa thủy lợi, đồng thời lượng mưa trên tiểu vùng theo nhận định có xu thế giảm so với TBNN vào các tháng cuối mùa cạn, do đó có ***khả năng xảy ra thiếu hụt nguồn nước tại các xã Na Sơn, Điện Biên Đông, Keo Lôn, huyện Điện Biên Đông, tỉnh Điện Biên; các xã Mường Đăng, Ngòi Cáy, Ảng Cang, Ảng Nưa, huyện Mường Ảng, tỉnh Điện Biên và các xã Mường Sai, Nà Ót, huyện Sông Mã, tỉnh Sơn La*** có nguy cơ thiếu hụt nguồn nước vào cuối mùa cạn.

2.2. Tiểu vùng Trung sông Mã

Toàn tiểu vùng có khoảng 90 hồ chứa thủy lợi với dung tích nhỏ và phân bố rải rác trên các sông, suối (24 hồ chứa có dung tích từ 0,1 triệu m³ trở lên với tổng dung tích khoảng 23 triệu m³). Về cơ bản các hồ chứa chưa khai thác hết tiềm năng của nguồn nước trên các tiểu lưu vực, đồng thời theo nhận định lượng mưa đang có xu thế giảm vào các tháng cuối mùa cạn, do đó có khả năng nguy cơ xảy ra thiếu nước vào tháng 5 và tháng 6 năm 2025 tại một số ***xã như Cun Nheo,***

Pà Cò, Mai Hạ, Noong Luông, Bao La, Tòng Đâu thuộc huyện Mai Châu, tỉnh Hòa Bình (hiện có khoảng 08 hồ chứa thủy lợi).

2.3. Tiểu vùng lưu vực sông Bưởi

Toàn vùng có khoảng 321 hồ chứa thủy lợi xây dựng trên các nhánh suối nhỏ (178 hồ chứa có dung tích từ 0,1 triệu m³ trở lên với tổng dung tích khoảng 185 triệu m³). Trong đó, các hồ chứa có dung tích từ 03 triệu m³ trở lên như: hồ Trọng, Đồng Ngư, Tây Trác, Xuân Lũng, Bình Công đã tích nước được khoảng 86% so với yêu cầu thiết kế. Theo nhận định, lượng mưa trên tiểu vùng từ tháng 01/2025 đến tháng 4/2025 xấp xỉ so với TBNN, vì vậy nguồn nước về cơ bản đáp ứng các nhu cầu sử dụng nước. Tuy nhiên, do khu vực thượng lưu sông Bưởi không có các công trình hồ chứa (***xã Phú Cường, xã Quyết Chiến, thuộc huyện Tân Lạc, tỉnh Hòa Bình***) có khả năng xảy ra thiếu hụt nguồn nước vào cuối mùa cạn.

2.4. Tiểu vùng Bắc sông Mã

Toàn vùng có khoảng 37 hồ chứa thủy lợi (15 hồ chứa có dung tích từ 0,1 triệu m³ trở lên với tổng dung tích khoảng 13,9 triệu m³). Với diễn biến lượng mưa có xu thế giảm so với TBNN vào các tháng cuối mùa cạn kết hợp với năng lực của hệ thống công trình thủy lợi trong vùng, nguồn nước bị ảnh hưởng triều và dòng chính sông Mã bị hạ thấp lòng dẫn, do đó có khả năng xảy ra tình trạng thiếu nước trong các tháng mùa cạn năm 2025 tại các ***xã Nga Sơn, Nga Yên, Nga Trườn, Nga Hải, Nga Thanh, huyện Nga Sơn, tỉnh Thanh Hóa***.

2.5. Tiểu vùng Thượng sông Chu và Nam sông Mã - Bắc sông Chu

Khu vực tiểu vùng thượng sông Chu, hiện tại các xã Bát Mọt, Yên Nhân, huyện Thường Xuân, tỉnh Thanh Hóa không có công trình hồ chứa nước, đồng thời theo nhận định, lượng mưa trên khu vực này có xu thế giảm so với TBNN, do đó có khả năng xảy ra thiếu hụt nguồn nước vào cuối mùa cạn tại các khu vực nêu trên.

Đối với tiểu vùng Nam sông Mã - Bắc sông Chu, với diễn biến nguồn nước theo nhận định và năng lực của hệ thống công trình thủy lợi trong vùng thì cơ bản đáp ứng nhu cầu sử dụng nước, ít nguy cơ xảy ra tình trạng thiếu nước vào cuối mùa cạn. Ngoài ra, trên vùng Nam sông Mã - Bắc sông Chu có 01 hồ chứa có dung tích trên 03 triệu m³ (hồ Cống Khê), hiện nay đã tích nước đủ nước so với yêu cầu thiết kế, bảo đảm việc cấp nước tưới, khả năng không ảnh hưởng đến sản xuất nông nghiệp khu vực thuộc phạm cấp nước của hồ.

2.6. Tiểu vùng Nam sông Chu

Nhu cầu tưới cho vùng hạ du Nam sông Chu cơ bản được đảm bảo từ hồ chứa Cửa Đạt, ngoài ra, trong vùng có khoảng 03 hồ chứa thủy lợi với tổng dung tích khoảng 1,69 triệu m³. Tuy nhiên, vùng hạ du sông Chu nguồn nước bị ảnh hưởng triều và hạ thấp lòng dẫn, cùng với đó lượng mưa theo dự báo có xu thế giảm so với TBNN vào các tháng cuối mùa cạn, do đó có khả năng xảy ra tình trạng thiếu nước vào cuối mùa cạn tại ***thành phố Sầm Sơn và một phần huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hóa***.

V. KẾT LUẬN, KIẾN NGHỊ

Trên cơ sở kết quả dự báo xu thế diễn biến nguồn nước mặt, nguồn nước dưới đất, khí tượng, thủy văn trên lưu vực sông Mã, nhu cầu sử dụng nước, yêu cầu về nguồn nước trên lưu vực phục vụ cấp nước sinh hoạt, nông nghiệp, công nghiệp, thủy điện và các yêu cầu về bảo đảm an ninh nguồn nước, an ninh lương thực trong kỳ công bố kịch bản, về tổng thể nguồn nước các hồ chứa lớn, quan trọng, nguồn nước trên các tiểu vùng, tiểu lưu vực sông cơ bản ở ***Trạng thái bình thường***, lượng nước có thể khai thác bảo đảm đủ cho các nhu cầu sinh hoạt, an sinh xã hội, các ngành kinh tế, bảo vệ môi trường. ***Tuy nhiên, nguồn nước trên lưu vực trong kỳ công bố kịch bản vẫn tiềm ẩn nguy cơ xảy ra tình trạng thiếu nước nếu không khai thác, sử dụng hợp lý, tiết kiệm, hiệu quả.*** Thiếu nước cục bộ có thể xảy ra tại một số xã, huyện thuộc các tỉnh như Điện Biên, Sơn La, Hòa Bình, Thanh Hóa, ***nguyên nhân chính là thiếu các công trình khai thác nước, công trình, hệ thống công trình thủy lợi.***

Để giảm thiểu nguy cơ có thể xảy ra thiếu nước, đặc biệt là ưu tiên bảo đảm cấp nước cho sinh hoạt trên lưu vực sông Mã trong mọi tình huống, Bộ Tài nguyên và Môi trường đề nghị:

1. Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Bộ Công Thương, Bộ Xây dựng và Ủy ban nhân dân các tỉnh Điện Biên, Sơn La, Hòa Bình, Thanh Hóa và Nghệ An trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn, chỉ đạo việc chủ động lập kế hoạch khai thác, sử dụng tài nguyên nước ***theo nhu cầu sử dụng nước bình thường*** của từng ngành, lĩnh vực và địa phương⁸. Tuy nhiên, các kế hoạch sử dụng nước phải lập trên nguyên tắc tiết kiệm nước, ***tránh thất thoát, lãng phí***, dự phòng nguy cơ xảy ra thiếu nước trong các tháng cuối mùa cạn.

2. Đối với Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn

a) Tổ chức, chỉ đạo, đốc đốc các địa phương rà soát, nâng cao năng lực hệ thống các hồ chứa thủy lợi, điều chỉnh các quy trình vận hành công trình, hệ thống công trình thủy lợi bảo đảm sử dụng nước tiết kiệm, hiệu quả, đa mục tiêu và bảo đảm lưu thông của dòng chảy trong hệ thống công trình, không gây ú đọng, ô nhiễm nguồn nước.

b) Chỉ đạo đơn vị quản lý vận hành hồ chứa nước Cửa Đạt: kiểm soát chặt chẽ việc vận hành cấp nước của hồ Cửa Đạt và việc vận hành phát điện của các nhà máy thủy điện Cửa Đạt, Dốc Cáy để đảm bảo cân đối hài hòa giữa các nhu cầu sử dụng nước, cân đối nguồn nước đến cuối mùa cạn.

3. Đối với Bộ Công Thương: chỉ đạo Tập Đoàn điện lực Việt Nam, Công ty TNHH MTV Vận hành hệ thống điện và thị trường điện Quốc gia xây dựng kế hoạch vận hành các hồ chứa thủy điện đáp ứng nhu cầu nước ở hạ du các hồ chứa trên cơ sở tuân thủ quy định của Quy trình vận hành liên hồ chứa trên lưu vực. Đồng thời, rà soát, điều chỉnh kế hoạch huy động điện của các nhà máy thủy điện

⁸ Khoản 6 Điều 35 Luật Tài nguyên nước và Điều 43 Nghị định số 53/2024/NĐ-CP ngày 16/5/2024 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tài nguyên nước.

trên lưu vực sông bảo đảm phù hợp với điều kiện, khả năng của nguồn nước và bảo đảm nguồn nước cấp cho hạ du đến cuối mùa cạn năm 2025.

4. Đối với Bộ Xây dựng: phối hợp với Ủy ban nhân dân các tỉnh chỉ đạo, triển khai công tác đảm bảo cấp nước sinh hoạt cho người dân và cấp nước cho sản xuất ở đô thị, khu, cụm công nghiệp, khu kinh tế.

5. Đối với Ủy ban nhân dân các tỉnh Điện Biên, Sơn La, Hòa Bình, Thanh Hóa và Nghệ An

a) Rà soát, nâng cao năng lực hệ thống các hồ chứa thủy lợi, điều chỉnh các quy trình vận hành công trình, hệ thống công trình thủy lợi bảo đảm sử dụng nước tiết kiệm, hiệu quả, đa mục tiêu và bảo đảm lưu thông của dòng chảy trong hệ thống công trình, không gây ứ đọng, ô nhiễm nguồn nước.

b) Xây dựng các công trình điều tiết, trữ nước trong quy hoạch về tài nguyên nước, quy hoạch thủy lợi và các quy hoạch khác có liên quan, ưu tiên các tiểu vùng có nguy cơ xảy ra hạn hán, thiếu nước (*tiểu vùng Trung sông Mã thuộc tỉnh Hòa Bình, tiểu vùng Thượng sông Mã thuộc tỉnh Điện Biên và các tiểu vùng Bắc sông Mã, Nam sông Chu thuộc tỉnh Thanh Hóa*).

c) Đối với Ủy ban nhân dân tỉnh Thanh Hóa

- Giám sát chặt chẽ việc khai thác nguồn nước các hồ chứa thủy lợi, hệ thống công trình thủy lợi, đặc biệt là hệ thống thủy lợi Bái Thượng và việc điều tiết cấp nước từ hồ Cửa Đạt qua tuynel Dốc Cáy phục vụ cấp nước cho sản xuất nông nghiệp và các mục đích khác, đảm bảo tránh thất thoát, lãng phí nước.

- Rà soát, cải tạo nâng cấp kênh mương, công trình trên kênh và trạm bơm lớn nhằm hoàn chỉnh, nâng cao năng lực các hệ thống thủy lợi hiện có, dần thay thế các trạm bơm nhỏ lẻ trên sông, tăng tỷ lệ diện tích được cấp nước cho tiểu vùng Nam sông Mã - Bắc sông Chu, Nam sông Chu và Bắc sông Mã, trong đó ưu tiên hệ thống công trình thủy lợi Bắc sông Chu - Nam sông Mã, hệ thống thủy lợi Bái Thượng và trạm bơm Hoàng Khánh.

- Giám sát chặt chẽ diễn biến xâm nhập mặn trên hạ du sông Mã thuộc các huyện Nga Sơn, Hoàng Hóa, Thiệu Hóa và thành phố Thanh Hóa để xây dựng kế hoạch lấy nước phù hợp, bảo đảm số lượng, chất lượng nước cho các nhà máy nước và các công trình thủy lợi thuộc các địa phương ở hạ du.

- Chỉ đạo đơn vị quản lý, vận hành các trạm bơm khai thác, sử dụng nước khu vực hạ du sông Mã: phối hợp chặt chẽ với đơn vị quản lý vận hành các hồ chứa thủy điện Trung Sơn, Thành Sơn, Bá Thước 1, Bá Thước 2, Cẩm Thủy 1 trong việc cung cấp, trao đổi thông tin vận hành; chủ động thời gian lấy nước khi các hồ chứa nêu trên vận hành xả nước về hạ du đảm bảo khai thác, sử dụng nước tiết kiệm, hiệu quả (đặc biệt trong các Vụ Đông Xuân và Vụ Hè Thu năm 2025).

d) Đối với Ủy ban nhân dân tỉnh Điện Biên

- Xây dựng phương án cấp nước cho các vùng khan hiếm nước thuộc các địa bàn thuộc *huyện Điện Biên Đông*; nghiên cứu đề xuất giải pháp chủ động cấp

nước đối với các một số xã có khả năng xảy ra thiếu nước thuộc ***huyện Mường Ảng, Điện Biên Đông và Tuần Giáo.***

- Ưu tiên thực hiện các dự án tìm kiếm nguồn nước dưới đất tại các khu vực khan hiếm nước đảm bảo nguồn nước cấp cho sinh hoạt tại các khu vực miền núi (đặc biệt đối với huyện Điện Biên Đông), điều kiện kinh tế còn gặp rất nhiều khó khăn.

đ) Đối với Ủy ban nhân dân tỉnh Sơn La

- Nâng cấp, cải tạo để nâng cao khả năng lấy nước của các công trình cấp nước cho sản xuất nông nghiệp tại các huyện Thuận Châu, Mai Sơn, Sốp Cộp và Sông Mã.

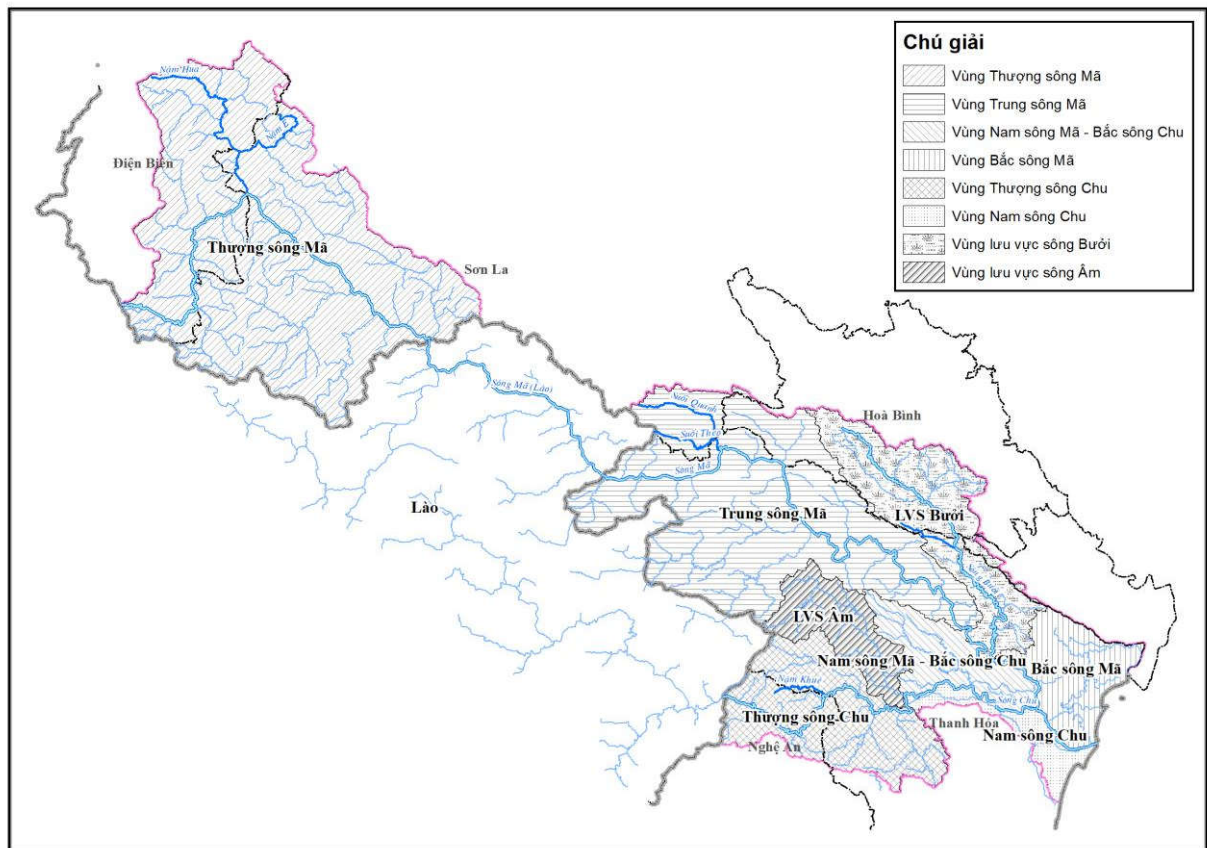
- Sớm triển khai đưa vào hoạt động công trình hồ chứa Bằng Mạn thuộc huyện Thuận Châu đảm bảo cấp nước cho sản xuất nông nghiệp./.

Phụ lục

PHẠM VI XÂY DỰNG KỊCH BẢN

(Kèm theo Kịch bản nguồn nước (lần đầu) trên lưu vực sông Mã theo Quyết định số /QĐ-BTNMT ngày tháng năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường)

Phạm vi xây dựng kịch bản được phân chia thành 08 (tám) tiểu vùng theo Quy hoạch tổng hợp lưu vực sông Mã thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050⁹, cụ thể: (1) Thượng sông Mã, (2) Trung sông Mã, (3) Nam sông Mã - Bắc sông Chu, (4) Lưu vực sông Bưởi, (5) Bắc sông Mã, (6) Thượng sông Chu, (7) Lưu vực sông Âm, (8) Nam sông Chu tương đương với 05 tỉnh: Điện Biên, Sơn La, Lào, Hoà Bình, Thanh Hóa, Nghệ An.



Hình 4. Sơ đồ phạm vi xây dựng kịch bản lưu vực sông Mã

TT	Tên tiểu vùng	Phạm vi hành chính (tỉnh/huyện)	Diện tích (km ²)
1	Thượng sông Mã	Điện Biên (Tuần Giáo, Mường Ảng, Điện Biên Đông, Điện Biên); Sơn La (Thuận Châu, Mai Sơn, Sông Mã, Sốp Cộp)	6.564
2	Trung sông Mã	Sơn La (Mộc Châu, Vân Hồ); Hoà Bình (Mai Châu, Tân Lạc); Thanh Hóa (Mường Lát, Quan Hóa, Quan Sơn, Bá Thước, Lang Chánh, Cẩm Thủy)	4.646
3	Nam sông Mã - Bắc sông Chu	Thanh Hóa (Ngọc Lạc, Cẩm Thủy, Yên Định, Thọ Xuân, Thiệu Hóa)	815
4	Lưu vực sông Bưởi	Hoà Bình (Mai Châu, Tân Lạc, Kỳ Sơn, Lạc Sơn, Yên	1.705

⁹ Quyết định số 20/QĐ-TTg ngày 08/01/2024 của Thủ tướng Chính phủ

TT	Tên tiểu vùng	Phạm vi hành chính (tỉnh/huyện)	Diện tích (km²)
		Thủy); Thanh Hóa (Thạch Thành, Vĩnh Lộc)	
5	Bắc sông Mã	Thanh Hóa (Thạch Thành, Vĩnh Lộc, Hà Trung, Bim Sơn, Nga Sơn, Hậu Lộc, Hoằng Hóa, TP. Thanh Hóa)	907
6	Thượng sông Chu	Nghệ An (Quế Phong); Thanh Hóa (Thường Xuân, Như Xuân, Thọ Xuân, Triệu Sơn, Như Thanh)	1.790
7	Lưu vực sông Âm	Thanh Hóa (Lang Chánh, Thường Xuân, Ngọc Lạc)	822
8	Nam sông Chu	Thanh Hóa (Thọ Xuân, Thiệu Hóa, Đông Sơn, TP. Thanh Hóa, TP. Sầm Sơn, Quảng Xương)	404